

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **356/2018/HS-ST**.

Ngày: 09/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Cao - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 315/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 331/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 470/2018/HSST-QĐ ngày 27/9/2018, đối với bị cáo:

Trần Đăng T, sinh năm 1984. Tại Nghệ An.

Nơi đăng ký HKTT: 427/10, tổ 10, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: như trên.

Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần P, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958. Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 01/2015/HSST.

Bị bắt tạm giữ ngày 27/6/2018, chuyển tạm giam theo lệnh số: 229/LTG ngày 06/7/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

Bị cáo có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 247 Đặng Văn Bi, phường T, quận T, thành phố H. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 27/6/2018, đối tượng tên B (chưa rõ họ, địa chỉ) gặp Trần Đăng T ở quán cà phê Bạc Liêu thuộc huyện D, tỉnh B, tại đây B rủ T đi đến thành phố B trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Sau đó, B giao chiếc xe mô tô hiệu Exciter biển số 38E1-051.70 cho T điều khiển chở B ngồi sau. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày cả hai đi đến trước tiệm hớt tóc “The Men” ở địa chỉ 168 đường Trương Định, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện trước tiệm có dựng xe mô tô và không có người trông coi, B liền kêu T dừng xe trên vỉa hè làm nhiệm vụ cảnh giới để B đi vào lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 94C1-136.33 của anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1995, ngụ tại: 247 Đặng Văn Bi, phường T, quận T, thành phố H đang ngồi cắt tóc trong tiệm rồi điều khiển xe chạy đi và T cũng điều khiển xe chạy theo B. Quá trình T và B lấy trộm xe thì anh Phạm Đức T, sinh năm 1992, ngụ tại: 100/30, khu phố 1, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và anh Nguyễn Ngọc Phạm D, sinh năm 1996, ngụ tại: 41/3, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngồi uống cà phê đối diện với tiệm hớt tóc “The Men” phát hiện nên anh T đã dùng xe ô tô chở anh D đuổi theo và húc vào xe của T làm T ngã ra đường rồi cùng với người dân bắt giữ T, kiểm tra ba lô của T phát hiện bên trong có 01 bộ đoạn tự chế dùng để cạy phá ổ khóa xe, 01 chìa khóa xe máy đã bị chế cạnh rồi bàn giao cho Công an phường T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang chuyển giao Công an thành phố B để điều tra xử lý. Riêng đối tượng tên B thì chạy thoát.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Exciter, biển số 38E1-051.70 là phương tiện T sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là của chị Võ Thị H, sinh năm 1992, ngụ tại: xã K, huyện K, tỉnh H đưa cho chồng là Nguyễn Đức H sử dụng và sau đó H cho đối tượng tên T (không rõ họ, địa chỉ mượn), do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chị H.

- 01 USB bên trong lưu trữ đoạn clip mà T cùng đối tượng tên B trộm cắp xe (được lưu hồ sơ vụ án).

- 02 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Đăng T; 01 nón bảo hiểm màu trắng hiệu GRS; 01 áo sơ mi màu trắng dài tay có kẻ sọc của Trần Đăng T.

- 01 ba lô (bên trong có áo khoác Grab, nón bảo hiểm Grab, áo mưa; 01 bộ đồ án phá khóa xe máy hình chữ L; 01 chìa khóa xe máy) là tài sản của đối tượng tên B.

Tại kết luận định giá tài sản số: 203/TCKH-HĐĐG ngày 30/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: “01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 94C1-136.33 có giá trị định giá là 20.993.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Về bồi thường dân sự: anh Nguyễn Hữu T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.993.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng). Hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại cáo trạng số: 305/CT/VKS-HS ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Trần Đăng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 14 (mười bốn) đến 16 (mười sáu) tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. B, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, tội danh và áp dụng điều luật:

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Trần Đăng T đã khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 27/6/2018, Trần Đăng T và đối tượng tên B (chưa rõ họ, địa chỉ) đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Honda biển số 94C1-136.33 trị giá 20.993.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng) của anh Nguyễn Hữu T thì T bị bắt quả tang. Riêng tên B chạy thoát.

Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự, gây bất bình cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 ba lô (bên trong có áo khoác Grab, nón bảo hiểm Grab, áo mưa; 01 bộ đồ ăn phá khóa xe máy hình chữ L; 01 chìa khóa xe máy).

Tiếp tục tạm giữ 02 điện thoại di động Nokia màu đen của Trần Đăng T để đảm bảo thi hành án.

Trả lại 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Đăng T; 01 nón bảo hiểm màu trắng hiệu GRS; 01 áo sơ mi màu trắng dài tay có kẻ sọc của Trần Đăng T do không liên quan đến việc phạm tội.

[5] Về bồi thường dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 20.993.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng) cho anh Nguyễn Hữu T nên ghi nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 20.993.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng) cho anh Nguyễn Hữu T, đồng thời dành quyền khởi kiện cho T đối với tên B.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Đối với đối tượng tên B, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau.

[8] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Đăng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Trần Đăng T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2018.

3. Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 20.993.000 đồng (hai mươi triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng), đồng thời dành quyền khởi kiện cho T đối với tên B.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 ba lô (bên trong có áo khoác Grab, nón bảo hiểm Grab, áo mưa; 01 bộ đồ án phá khóa xe máy hình chữ L; 01 chìa khóa xe máy).

Tiếp tục tạm giữ 02 điện thoại di động Nokia màu đen của Trần Đăng T để đảm bảo thi hành án.

Trả lại 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Đăng T; 01 nón bảo hiểm màu trắng hiệu GRS; 01 áo sơ mi màu trắng dài tay có kẻ sọc của Trần Đăng T do không liên quan đến việc phạm tội.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Đăng T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.049.650đ (một triệu không bốn mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND TP.B
- THA B
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Hạnh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Thanh Bình